TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-PT.
Ngày: 21/02/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Kha
Các thẩm phán: Ông Lê Lâm Sơn
Bà Nguyễn Thị Nhiên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án sơ thẩm số: 27/2018/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện GQ, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐPT-DS ngày 24 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Kim Ng, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp CT, xã TL, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Bà Ngô Thị Th, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp HA, xã TL, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp HA, xã TL, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Ngô Thị Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Kim Ng trình bày:

Bà có cho bà Ngô Thị Th vay 70.000.000 đồng cụ thể như sau:

Lần 1 bà Th vay 30.000.000 đồng vào ngày 18/2/2015 âm lịch.

Lần 2 bà Th vay 10.000.000 đồng vào ngày 20/2/2015 âm lịch.

Lần 3 bà Th vay 30.000.000 đồng vào ngày 23/3/2015 âm lịch.

Bà Th vay tiền của bà để đáo hạn Ngân hàng và hẹn khi đáo hạn Ngân hàng sẽ thanh toán cho bà nhưng khi đáo hạn xong thì bà Th không trả tiền cho bà mà sử dụng mục đích khác, vì tin tưởng nên bà cho bà Th vay tiền. Quá trình vay bà Th đóng lãi cụ thể:

Số tiền 30.000.000 đồng vay vào ngày 18/2/2015 âm lịch bà Th đóng được 30 ngày với số tiền 9.000.000 đồng.

Số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 20/2/2015 âm lịch bà Th đóng được 28 ngày với số tiền 2.800.000 đồng.

Số tiền 30.000.000 đồng vay ngày 23/3/2015 âm lịch bà Th đóng được 14 ngày với số tiền 4.200.000 đồng.

Tổng số tiền bà Th đóng cho bà là 16.000.000 đồng, sau đó không đóng nữa.

Đến tháng 10/2015 bà Th và ông C có viết biên nhận nợ bà số tiền 100.000.000 đồng và hẹn trả dần nhưng không thực hiện nên bà khởi kiện đến Tòa án. Tại biên bản hòa giải ngày 01/9/2017 thì bà và bà Th xác định số tiền gốc là 70.000.000 đồng và thống nhất tính lãi 30 tháng với lãi suất 1%/tháng, bà Th đồng ý. Do đó hai bên tính lãi là 30 tháng x 1%/tháng x 70.000.000 đồng = 21.000.000 đồng, khấu trừ số lãi bà Th đã đóng là 21.000.000 đồng – 16.000.000 đồng = 5.000.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 75.000.000 đồng. Bà Th đồng ý trả số tiền 75.000.000 đồng cho bà 03 lần là hết nợ, trả lần đầu là ngày 18/11/2017 nhưng bà Th không thực hiện đến nay. Còn ông C chồng bà Th cho rằng trả bà 30.000.000 là không có.

Nay bà yêu cầu bà Th, ông C phải trả cho bà số tiền nợ là 75.000.000 đồng, trong đó nợ gốc 70.000.000 đồng và lãi 5.000.000 đồng do bà Th ông C không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận ngày 01/9/2017. Yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật số tiền 70.000.000 đồng kể từ ngày 18/11/2017 đến khi giải quyết xong vụ án, còn số tiền 5.000.000 đồng là tiền lãi tính đến ngày 01/9/2017 bà yêu cầu cộng vào khi tính lãi từ ngày 18/11/2017 cho đến khi giải quyết xong vụ án, yêu cầu trả dứt nợ một lần.

Bị đơn bà Ngô Thị Th trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của bà Ng về ngày tháng năm, số lần vay nợ và số tiền còn nợ là 70.000.000 đồng như bà Ng trình bày là đúng. Còn về phần lãi bà đã đóng cho bà Ng từ ngày vay cụ thể:

Đối với số tiền 30.000.000 đồng vay ngày 18/2/2015 âm lịch thì bà đóng lãi đến ngày 23/3/2015 với số tiền 10.500.000 đồng.

Số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 20/2/2015 âm lịch bà đóng lãi đến ngày 23/3/2015 với số tiền 3.200.000 đồng.

Sau đó tổng số tiền gốc bà vay là 70.000.000 đồng nên bà đóng lãi đến ngày 05/5/2015 âm lịch với số tiền 29.400.000 đồng.

Tổng số tiền lãi bà đã đóng cho bà Ng là 43.100.000 đồng nhưng không có trả gốc. Khi bà hỏi tiền thì bà Ng ghi vào sổ nợ còn khi bà trả lãi thì không có làm biên nhận hay giấy tờ gì nên bà không có giấy tờ chứng minh đã trả lãi 43.100.000 đồng nên bà thừa nhận đã đóng lãi cho bà Ng là 16.000.000 đồng.

Sau đó vợ chồng bà có viết biên nhận nợ vào tháng 10/2015 còn thiếu số tiền 100.000.000 đồng nhưng vợ chồng bà không có khả năng trả nợ thì bà Ng khởi kiện. Khi Tòa án hòa giải ngày 01/9/2017 giữa bà và bà Ng tính lại số tiền nên còn thiếu bà Ng 70.000.000 đồng. Từ đó bà thỏa thuận với bà Ng là tính lãi từ ngày vay 01/9/2017 là 30 tháng với lãi suất 1%/tháng. Do đó 70.000.000 đồng x 1%/tháng x 30 tháng = 21.000.000 đồng, khấu trừ số tiền bà đã đóng 16.000.000 đồng còn lại tiền lãi bà phải trả cho bà Ng là 5.000.000 đồng, cộng vốn và lãi là 75.000.000 đồng, bà hẹn trả 03 lần nhưng do hoàn cảnh khó khăn bà không trả được. Nay bà Ng khởi kiện bà đồng ý trả cho bà Ng số tiền vốn 75.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 18/11/2017 đến ngày xử nhưng bà Ng phải khấu trừ số tiền chồng bà đã trả cho bà Ng là 30.000.000 đồng, số tiền chồng bà trả bà không có chứng cứ chứng minh, còn lại bao nhiêu thì bà xin trả dần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày:

Vợ ông có vay của bà Ng tổng số tiền vốn gốc 70.000.000 đồng, còn về số tiền lãi mà vợ ông trả cho bà Ng bao nhiêu thì ông không biết, ông thấy vợ ông bị bà Ng đến nhà đòi nợ nhiều lần nên khi bán lúa ông có đem trả cho bà Ng 30.000.000 đồng, do nghĩ chỗ làm ăn với nhau nên ông không yêu cầu bà Ng viết biên nhận.

Sau đó bà Ng nhiều lần đến đòi nợ vợ ông, do không có tiền trả nên bà Ng mới viết biên nhận chốt nợ tổng cộng vốn và lãi là 100.000.000 đồng và yêu cầu vợ ông ký, đồng thời buộc ông cùng ký, ông cũng muốn thỏa thuận giữa hai bên

nên ông đồng ý ký biên nhận nợ cùng vợ ông vào tháng 10/2015 và hẹn trả 03 lần, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn ông không trả được cho bà Ng.

Nay bà Ng khởi kiện thì ông cũng đồng ý cùng vợ ông trả số tiền trên cho bà Ng nhưng bà Ng phải trừ số tiền 30.000.000 đồng mà ông trả cho bà Ng, còn lại bao nhiêu thì xin trả dần, nếu bà Ng buộc trả một lần thì không có khả năng. Về chứng cứ số tiền 30.000.000 đồng mà ông trả cho bà Ng thì ông không có giấy tờ gì làm chứng cứ do nghĩ chỗ quen biết nên tin tưởng bà Ng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện GQ, tỉnh Kiên Giang đã xét xử, quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim Ng đối với bà Ngô Thị Th và ông Nguyễn Văn C.

- Buộc bà Ngô Thị Th và ông Nguyễn Văn C phải trả cho bà Lê Kim Ng số tiền 80.985.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Đến ngày 13/11/2018 bà Ngô Thị Th, ông Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm với cùng nội dung:

Trong quá trình vay nợ của bà Ng do bà Th trực tiếp vay, khi bà Ng đến đòi nợ thì ông C chồng bà Th có trả cho bà Ng 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà Ng thừa nhận ông C có trả số tiền 30.000.000 đồng, bà Ng cho rằng ông C trực tiếp vay của bà Ng và bà Ng đã hủy giấy nợ là gian dối và chưa được Tòa án nhân dân huyện GQ xem xét khấu trừ nợ.

Yêu cầu Tòa án xem xét chấp nhận số tiền ông C đã trả cho bà Ng 30.000.000 đồng để giảm nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Lê Kim Ng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Th ông C trả cho bà số tiền 75.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 70.000.000 đồng kể từ ngày 18/11/2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Th, người liên quan ông C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu xem xét chấp nhận số tiền ông C đã trả cho bà Ng là 30.000.000 đồng để giảm số nợ phải trả cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Kháng cáo của bà Th, ông C là không có căn cứ. Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Th, ông C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Ng và bị đơn bà Th thống nhất vào năm 2015 bà Ng có cho bà Th vay tiền gồm 03 lần: lần đầu bà Th vay 30.000.000 đồng vào ngày 18/2/2015 âm lịch, lần 2 bà Th vay 10.000.000 đồng vào ngày 20/2/2015 âm lịch, lần 3 bà Th vay 30.000.000 đồng vào ngày 23/3/2015 âm lịch, tổng số tiền vay là 70.000.000 đồng. Bà Th đã đóng lãi cho bà Ng số tiền 16.000.000 đồng. Tháng 10/2015 bà Th và ông C viết biên nhận nợ bà Ng số tiền 100.000.000 đồng và hẹn trả dần nhưng bà Th ông C không thực hiện.

Tại biên bản hòa giải ngày 01/9/2017 của Tòa án cấp sơ thẩm, bà Th ông C thừa nhận còn nợ bà Ng 70.000.000 đồng và thống nhất tính lãi trên số tiền 70.000.000 đồng x 30 tháng x 1%/tháng = 21.000.000 đồng, khấu trừ tiền lãi bà Ng đã đóng 16.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 75.000.000 đồng, đồng thời bà Th, ông C đồng ý trả số tiền 75.000.000 đồng cho bà Ng làm 3 lần, lần đầu bà Th, ông C trả số tiền 25.000.000 đồng vào ngày 18/11/2017, lần 2 trả 25.000.000 đồng vào ngày 18/12/2017, lần 3 trả 25.000.000 đồng vào ngày 17/01/2018, tuy nhiên bà Th, ông C không thực hiện.

Bà Ng yêu cầu bà Th ông C trả cho bà Ng số tiền 75.000.000 đồng và trả tiền lãi của số tiền 70.000.000 đồng theo quy định pháp luật từ ngày 18/11/2017.

Bản án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng, buộc bà Th, ông C trả cho bà Ng tổng số tiền 75.000.000 đồng (trong đó gốc 70.000.000 đồng và lãi 5.000.000 đồng) và tiền lãi của số tiền 70.000.000 đồng tính từ ngày 18/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/10/2018 là: 70.000.000 đồng x 9%/năm x 11 tháng 12 ngày = 5.985.000 đồng. Tổng cộng bà Th ông C phải trả cho bà Ng số tiền 70.000.00 đồng + 5.000.000 đồng + 5.985.000 đồng = 80.985.000 đồng.

[2]. Xét kháng cáo của bà Th, ông C kháng cáo với cùng nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm nên kháng cáo yêu cầu xem xét chấp nhận số tiền ông C đã trả cho bà Ng là 30.000.000 đồng để giảm số nợ phải trả cho bà Ng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu Tòa án xem xét chấp nhận số tiền ông C đã trả cho bà Ng là 30.000.000 đồng để giảm số nợ phải trả cho bà Ng, thấy rằng: Ông C cho

rằng việc bà Th vay tiền của bà Ng ông không biết, nhưng do bà Ng đến nhà đòi nợ nhiều lần nên ông có trả cho bà Ng số tiền 30.000.000 đồng, khi trả tiền ông C không nói là trả tiền bà Th nợ bà Ng, ông C cũng không yêu cầu bà Ng làm biên nhận đã nhận số tiền 30.000.000 đồng mà chỉ ký vào sổ của bà Ng. Mặt khác, bà Ng cho rằng số tiền 30.000.000 đồng ông C đưa cho bà là tiền do ông C vay riêng trước khi bà Th vay, không phải tiền của bà Th vay, do đó bà Ng không thừa nhận việc bà Th ông C cho rằng ông C có trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng để cấn trừ vào số tiền bà Th vay của bà Ng, đồng thời bà Th và ông C không có chứng cứ gì chứng minh cho việc đã trả số tiền 30.000.000 đồng tiền nợ vay của bà Ng; bà Ng không thừa nhận có nhận số tiền của ông C vào năm 2016, mà nhận của ông C 30.000.000 đồng là tiền nợ riêng của ông C, nhận trước khi viết biên nhận nợ với bà Th việc này phù hợp với bản tự khai của ông C ngày 15/3/2018 (tại bút lục số 35) "... bà Ng đến đòi nợ nhiều lần nên khi bán lúa xong tôi có đem trả cho bà Ng 30.000.000 đồng nhưng do nghĩ chỗ làm ăn với nhau nên tôi không có yêu cầu bà Ng viết biên nhận. Sau đó bà Ng nhiều lần đòi nợ vợ tôi, do không có tiền trả nên bà Ng mới viết biên nhận chốt nợ tổng cộng vốn và lãi là 100.000.000 đồng và yêu cầu vợ chồng tôi ký, đồng thời buộc tôi phải ký bà Ng mới đồng ý …". Do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi lại số tiền 30.000.000 đồng của bà Th và ông C là phù hợp và có căn cứ.

[3]. Hơn nữa Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình hòa giải tại cấp sơ thẩm bà Th thừa nhận ông bà còn nợ bà Ng số tiền vay là 75.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền trên cho bà Ng nhưng yêu cầu được trả số tiền trên thành 3 lần, ngoài ra bà Th cũng không đề cập đến số tiền 30.000.000 đồng ông C đã trả cho bà Ng và yêu cầu cấn trừ số tiền này vào số nợ của bà nợ bà Ng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Th ông C cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh việc ông C đã trả cho bà Ng số tiền 30.000.000 đồng để giảm trừ số nợ bà Th vay của bà Ng. Do đó không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bà Th ông C.

Trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị Th, ông Nguyễn Văn C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm dân sự sơ thẩm số: 27/2018/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Th, ông C phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận: 80.985.000 đồng x 5% = 4.049.000đ (Bốn triệu không trăm bốn chín nghìn đồng).

- Hoàn trả cho bà Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai của cơ quan thi hành án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Th, ông C mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do kháng cáo không được chấp nhận, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai của cơ quan thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2018/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim Ng đối với bà Ngô Thị Th và ông Nguyễn Văn C.

2. Buộc bà Ngô Thị Th và ông Nguyễn Văn C phải trả cho bà Lê Kim Ng số tiền 80.985.000đ (Tám mươi triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Ngô Thị Th, ông Nguyễn Văn C phải nộp 4.049.000đ (Bốn triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

- Hoàn trả cho bà Lê Kim Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005320 ngày 21/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị Th, ông Nguyễn Văn C mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Ngô Thị Th, ông Nguyễn Văn C đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0008728 và 00087289 cùng ngày 16/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị Cỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện GQ;
- Chi cục THADS huyện GQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bá Kha